



fū ren

夫人

Noun · Lady; Madam

Example Sentences

zhè shì wǒ de fū rén
这是我的夫人。

This is my wife.

zhè wèi yōu yǎ de fū rén qǐng wèn nín xū yào shén me bāng zhù ma
这位优雅的夫人，请问您需要什么帮助吗？

This elegant lady, may I ask if you need any assistance?

fū rén qǐng hē chá
夫人，请喝茶。

Madam, please have some tea.

Trace each character, then write the word on your own.

夫	夫	夫	夫	夫	夫	夫													
人	人	人	人	人															